

Nhà máy sản xuất kính xây dựng nhà cung cấp xuất khẩu sản phẩm clear Kính cường lực 12mm cho lan can ngoài trời ban công

Kính cường lực

Kính cường lực hay còn gọi là kính cường lực. Nó được sản xuất bằng cách nung kính ủ ở nhiệt độ trên 600 ° C và làm nguội nhanh chóng để tạo ra áp suất tác dụng tương ứng. Đó là loại kính an toàn được sử dụng khi độ bền, khả năng chịu nhiệt và độ an toàn là những yếu tố quan trọng cần cân nhắc.



đặc trưng

Ổn định nhiệt

Kính cường lực có thể chịu được sự thay đổi nhiệt độ từ 250 đến 320 ° C, còn kính ủ thông thường chỉ có thể chịu được sự thay đổi nhiệt độ từ 20 đến 100 ° C.

Sự chỉ rõ

12mm [Kính cường lực](#) kích thước: lên tới 3000 * 8000mm, mọi kích thước đều có thể được tùy chỉnh. Tất cả quá trình xử lý trên kính cường lực 12 mm, chẳng hạn như cắt, khoan, in kỹ thuật số, v.v., phải được hoàn thành trước khi ủ.

Cường độ cao

Kính cường lực có khả năng chống uốn cong, va đập tốt vì độ bền cao gấp 3-5 lần so với kính ủ thông thường. Nó có thể chịu được áp lực bề mặt 90 MPa.

Bảo mật cao

Khi kính cường lực vỡ sẽ trở thành hạt tổ ong có góc tù, đảm bảo an toàn và đảm bảo cơ thể con người vô hại, đồng thời quá trình tôi luyện giúp giảm đáng kể nguy cơ nứt nhiệt và đảm bảo giảm tổn thất.

Công việc cạnh

Bất kỳ cạnh nào cũng có thể được hoàn thiện hoàn hảo trên kính cường lực trong suốt 12 mm, chẳng hạn như các cạnh được đánh bóng phẳng, các cạnh bút chì, các cạnh vát, các cạnh OG và các cạnh tròn.

Lỗ và rãnh

Kính cường lực cung cấp các lỗ khoan và vết cắt. Chúng tôi sẽ xem xét vị trí và kích thước của các lỗ và rãnh theo bản vẽ của bạn. Vui lòng xem lại các chi tiết sau:

Cạnh kính tới điểm lỗ gần nhất:

Lỗ của kính cường lực 12 mm không được nhỏ hơn 2 lần độ dày của kính.

Góc kính tới điểm lỗ gần nhất

Vị trí lỗ không được nhỏ hơn 6,5 lần độ dày của kính cường lực 12 mm.

Kích thước lỗ

Kích thước tối thiểu của các lỗ không được nhỏ hơn độ dày của kính. Kích thước lỗ tối đa không được vượt quá 1/3 kích thước hẹp nhất của phi.

Feature(性能)	Tempered(钢化)	Heat strengthened(半钢化)	Normal(普通)
Safety(安全性)	best(最好)	general(一般)	none(没有)
Intensity(强度)	150mpa	100~1520mpa	30~90mpa
Thermal stability(热稳定性)	250~320°C	100°C	2~100°C
Surface stress(表面应力)	95mpa	24~69mpa
Broken state(破碎状态)	obtuse-angle grain(纯角颗粒)	shooting broken(放射状破碎)	sharp(锐利)
Self-destruction(自爆)	sometimes(会)	seldom(基本不会)	never(不会)

Tiêu chuẩn chất lượng

Tuân thủ tiêu chuẩn kính cường lực Châu Âu EN12150

Đạt tiêu chuẩn ANSI Z97.1 của Hoa Kỳ

Đạt tiêu chuẩn kính cường lực GB 9963-1998

Gấp kính cường lực tiêu chuẩn Trung Quốc GB 17981-1999

Đạt chứng nhận bắt buộc về kính an toàn của Trung Quốc CCC

